

Số: /QĐ-BNNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bằng tàu công ten nơ

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 1 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thủy sản và Kiểm ngư;

Căn cứ Quyết định số 1221/QĐ-BNNMT ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát cá ngừ vây ngực dài có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bằng tàu công ten nơ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bằng tàu công ten nơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quyết định số 3638/QĐ-BNNMT ngày 04/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Cục: Thủy sản và Kiểm ngư, Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường;
- Doanh nghiệp nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác vận chuyển bằng tàu công ten nơ;
- Lưu: VT, TSKN (NVKN).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiên

QUY TRÌNH

Quy trình kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bằng tàu công ten nơ

*(kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

1. Căn cứ thực hiện

- Căn cứ Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 1 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
- Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thủy sản và Kiểm ngư.
- Căn cứ khuyến nghị của Đoàn thanh tra EC tại Việt Nam (lần thứ 05) và ý kiến thông báo kết luận số 159/TB-VPCP ngày 31/3/2026 của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại Phiên họp lần thứ 33 của Ban Chỉ đạo về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách khắc phục tồn tại, hạn chế theo kiến nghị của Ủy ban châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

2. Mục đích

- Kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác được vận chuyển bằng tàu công ten nơ nhập khẩu vào Việt Nam nhằm kiểm soát hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định;
- Thực hiện nghĩa vụ hợp tác quốc tế trong việc tăng cường các biện pháp quản lý và bảo tồn đối với các loài thuộc thẩm quyền quản lý của các tổ chức quản lý nghề cá khu vực thông qua việc kiểm soát tính hợp pháp của cá ngừ vây ngực dài (tên Tiếng Anh: Albacore; tên Khoa học: Thunnus alalunga) thuộc đối tượng quản lý của các tổ chức này theo các Công ước và Hiệp định quốc tế mà Việt Nam tham gia và cam kết thực hiện được khai thác và nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bằng tàu công ten nơ;
- Thực hiện các cam kết quốc tế về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

3. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc nhập khẩu, kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển

khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bằng tàu công ten nơ.

4. Quy trình tổ chức thực hiện

4.1. Bước 1: Thông báo trước khi tàu cập cảng

Trước 48 giờ khi lô hàng được vận chuyển cập cảng, tổ chức, cá nhân nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác vào Việt Nam bằng tàu công ten nơ thực hiện khai báo và gửi hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Cục Thủy sản và Kiểm ngư*) để thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản nhập khẩu không vi phạm quy định về khai thác bất hợp pháp và phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra. Hồ sơ gồm:

- a) Thông tin về lô hàng theo Mẫu số 22 Phụ lục II Nghị định 37/2024/NĐ-CP;
- b) Bản sao Vận tải đơn đối với thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu;
- c) Văn bản chứng nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp cho lô hàng hoặc Giấy tờ thể hiện xác nhận hoặc chứng nhận thủy sản có nguồn gốc từ khai thác của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp cho lô hàng;

d) Trường hợp không có giấy tờ quy định tại điểm c khoản này, nộp bản sao Giấy phép khai thác thủy sản của tàu khai thác. Riêng đối với lô hàng cá cò kiếm (*Xiphias gladius*), cá ngừ vây ngực dài (*Thunnus alalunga*) và các loài thuộc đối tượng kiểm tra theo Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bằng tàu công ten nơ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành hàng năm thì nộp bản sao Giấy phép khai thác thủy sản của tàu khai thác và Giấy chứng nhận của thuyền trưởng (Captain's statement) tàu khai thác. Nội dung Giấy chứng nhận của thuyền trưởng thể hiện các thông tin về tàu khai thác đối với thủy sản, sản phẩm thủy sản nhập khẩu vào Việt Nam, gồm: Tên tàu, số đăng ký tàu (IMO/hồ hiệu quốc tế/đánh dấu bên ngoài/số đăng ký RFMOs nếu có), quốc gia treo cờ, số giấy phép khai thác thủy sản, loại ngư cụ, thời gian và khu vực khai thác; ngày, địa điểm cập bến đầu tiên của tàu, trong đó xác nhận thủy sản được khai thác tuân thủ đầy đủ luật pháp hiện hành, các biện pháp quản lý, bảo tồn. Giấy chứng nhận của Thuyền trưởng có chữ ký của thuyền trưởng tàu khai thác thủy sản.

* **Hình thức nộp:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (*cơ chế một cửa quốc gia, dịch vụ công trực tuyến, phần mềm điện tử, email, fax*) bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt.

4.2. Bước 2: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 48 giờ kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Cục Thủy sản và Kiểm ngư*) tiến hành thẩm định hồ sơ.

- a) Kiểm tra, rà soát thông tin, hồ sơ khai báo về tàu đánh bắt

Rà soát, kiểm tra, đối chiếu tàu có/không có trong danh sách tàu IUU của Tổ chức Quản lý Nghề cá Khu vực (RFMOs) và các Tổ chức có liên quan khác.

* Các nguồn tra cứu chính bao gồm:

- Website: iuu-vessels.org;
- Ủy ban nghề cá Tây và Trung Thái Bình Dương (WCPFC) <https://www.wcpfc.int/vessels#IUU>;
- Ủy ban cá ngừ Ấn Độ Dương (IOTC) - <http://www.iotc.org/vessels#iuu>;
- Ủy ban Quốc tế về Bảo tồn Cá ngừ Đại Tây Dương (ICCAT) - <https://www.iattc.org/VesselRegister/SearchVessel.aspx>;
- Ủy ban Bảo tồn Tài nguyên Sinh vật Biển Nam Cực (CCAMLR) - <https://www.ccamlr.org/en/compliance/illegal-unreportedand-unregulated-iuu-fishing>;

* Kiểm tra Danh sách tàu IUU của các RFMOs:

- + Ủy ban Bảo tồn Cá ngừ vây xanh miền Nam (CCSBT);
- + Ủy ban nghề cá Địa Trung Hải (GFCM);
- + Tổ chức Nghề cá Tây Bắc Đại Tây Dương (NAFO);
- + Ủy ban nghề cá Đông Bắc Đại Tây Dương (NEAFC);
- + Ủy ban nghề cá Bắc Thái Bình Dương (NPFC);
- + Tổ chức nghề cá Đông Nam Đại Tây Dương (SEAFO);
- + Tổ chức Quản lý Nghề cá Khu vực Nam Thái Bình Dương (SPRFMO);
- + Hiệp định nghề cá Nam Ấn Độ Dương (SIOFA);
- Kiểm tra Giấy phép khai thác thủy sản của tàu khai thác và Giấy chứng nhận của thuyền trưởng (Captain's statement) tàu khai thác:

+ Tên tàu, số đăng ký tàu (IMO/hồ hiệu quốc tế/đánh dấu bên ngoài/số đăng ký RFMO nếu có);

+ Thông tin Quốc gia tàu treo cờ;

+ Số giấy phép khai thác thủy sản, loại ngư cụ, thời gian và khu vực khai thác; kiểm tra đối chiếu với hạn mức đánh bắt của từng quốc gia, vùng đánh bắt và loài được phép đánh bắt theo quy định.

+ Ngày, địa điểm cập bến đầu tiên của tàu.

- Rà soát thông tin từ quốc gia tàu treo cờ, quốc gia ven biển hoặc các Tổ chức quản lý nghề cá khu vực và các tổ chức quốc tế liên quan về việc thủy sản, sản phẩm thủy sản được chuyên chở bằng tàu công ten nơ có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (nếu có).

c) Kiểm tra thông tin chuyển tải liên quan (nếu có)

- Thông tin tàu chuyển tải;

- Thông tin tàu nhận chuyển tải;
- Giấy phép tàu phép chuyển tải có liên quan.

Tất cả các thông tin chuyển tải không có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định.

d) Kiểm tra thông tin về tàu công ten nơ

- Kiểm tra thông tin tên tàu, số IMO, hô hiệu;
- Kiểm tra quốc tịch tàu;
- Kiểm tra số công ten nơ, số seals;
- Kiểm tra vận đơn;

Các trường thông tin đúng theo khai báo, ngày bốc hàng, nhập hàng, tín hiệu AIS đảm bảo theo lộ trình khai báo của chủ hàng.

đ) Báo cáo kết quả thẩm định

4.3. Bước 3. Thông báo kết quả thẩm định

Căn cứ kết quả báo cáo thẩm định, cơ quan thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Cục Thủy sản và Kiểm ngư*) thông báo kết quả thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản, sản phẩm thủy sản khai thác nhập khẩu từ các tàu công ten nơ vào Việt Nam có hoặc không vi phạm quy định về khai thác bất hợp pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Hải quan, cơ quan quản lý cảng biển, chủ hàng có liên quan (theo Mẫu số 23 Phụ lục II Nghị định số 41/2026/NĐ-CP).

4.4. Bước 4. Thành lập đoàn kiểm tra (nếu có dấu hiệu IUU).

Trường hợp có dấu hiệu lô hàng thủy sản nhập khẩu được khai thác, chuyển tải bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định theo thông tin, hồ sơ khai báo khi nhập khẩu, cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Cục Thủy sản và Kiểm ngư*) thông báo tới cho cơ quan có thẩm quyền của Hải quan, cơ quan quản lý cảng biển, chủ hàng và cơ quan có liên quan để thành lập đoàn kiểm tra thực tế sản phẩm thủy sản trong công ten nơ

- Thành viên Đoàn kiểm tra: Là công chức, viên chức đang công tác tại Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm soát tàu nước ngoài khai thác, tàu vận chuyển thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác cập cảng biển Việt Nam. Trường hợp cần thiết, mời cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia Đoàn kiểm tra.

- Số lượng thành viên Đoàn: Tối thiểu từ 03 người trở lên.

4.5. Bước 5: Tổ chức kiểm tra thực tế (nếu có dấu hiệu IUU).

a) Người kiểm tra xuất trình giấy tờ thể hiện công vụ trước chủ hàng/thuyền trưởng, nêu mục đích và giới thiệu thành phần đoàn.

b) Nội dung kiểm tra thực tế:

Đánh giá về loài khai thác và khối lượng ước tính sau khi mở công ten nơ kiểm tra:

- Loài khai thác được khai báo/loài thực tế trong công ten nơ;
- Khối lượng khai báo/khối lượng thực tế khi mở công ten nơ;
- Những phát hiện khác của kiểm tra viên;

Trong trường hợp không xác định được thành phần loài thì tổ chức lấy mẫu để kiểm tra.

c) Quyền của người kiểm tra:

- Yêu cầu thuyền trưởng, thuyền viên, chủ hàng và đại lý hàng hải cung cấp các tài liệu theo quy định;
- Thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến tàu, thủy sản và sản phẩm thủy sản trên tàu để phục vụ kiểm tra;
- Được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ thực hiện Hiệp định về biện pháp quốc gia có cảng;
- Được trao đổi với Đầu mối quốc gia tàu mang cờ và các quốc gia, tổ chức quản lý nghề cá khu vực và các tổ chức quốc tế có liên quan để xác minh thông tin về tàu, thủy sản, sản phẩm thủy sản trên tàu;
- Được đề xuất với Đầu mối quốc gia về việc mời đại diện của quốc gia mà tàu mang cờ và các chuyên gia quốc tế tham gia kiểm tra trong trường hợp cần thiết; đề xuất thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành hoặc sử dụng phiên dịch (nếu cần thiết);
- Yêu cầu tạm dừng việc bốc dỡ hoặc đề nghị cơ quan quản lý cảng ngừng cung cấp các dịch vụ cảng.

4.6. Bước 6. Lập Biên bản kiểm tra (nếu có dấu hiệu IUU).

Biên bản kiểm tra theo Mẫu số 24 Phụ lục II Nghị định số 41/2026/NĐ-CP được lập thành 02 bản; Chủ hàng và cơ quan kiểm tra mỗi bên giữ 01 bản.

*** Căn cứ kết quả kiểm tra**

- Đoàn kiểm tra kiến nghị cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Thủy sản và Kiểm ngư) thông báo chủ hàng, cơ quan Hải quan để tiến hành thủ tục thông quan lô hàng nhập khẩu theo quy định nếu kết quả kiểm tra thực tế đạt yêu cầu theo Mẫu số 23 Phụ lục II Nghị định số 41/2026/NĐ-CP.

- Đoàn Kiểm tra kiến nghị cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Thủy sản và Kiểm ngư) thông báo tới chủ hàng, cơ quan Hải quan cửa khẩu và các cơ quan liên quan không thông quan lô hàng theo Mẫu số 23 Phụ lục II Nghị định số 41/2026/NĐ-CP, khi xác định thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Thủy sản, sản phẩm thủy sản được khai thác bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị theo quy định của quốc gia mà tàu đó mang cờ hoặc của quốc gia ven biển có thẩm quyền.

+ Thủy sản, sản phẩm thủy sản được vận chuyển, chuyển tải bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị theo quy định của quốc gia mà tàu đó mang cờ hoặc của quốc gia ven biển có thẩm quyền;

+ Thủy sản, sản phẩm thủy sản được khai thác bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực;

+ Thủy sản, sản phẩm thủy sản được vận chuyển, chuyển tải bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực;

+ Có chứng cứ thủy sản, sản phẩm thủy sản trên tàu được khai thác vượt quá hạn ngạch cho phép của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc của tổ chức quản lý nghề cá khu vực;

+ Có chứng cứ thủy sản, sản phẩm thủy sản trên tàu được khai thác trái với quy định của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc trái với quy định về biện pháp quản lý và bảo tồn trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực hoặc có chứng cứ xác định tàu thực hiện hoặc hỗ trợ khai thác thủy sản bất hợp pháp theo quy định tại Điều 60 Luật Thủy sản;

+ Thủy sản, sản phẩm thủy sản được khai thác bằng tàu nằm trong danh sách IUU của quốc gia mà tàu đó mang cờ hoặc của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc của tổ chức quản lý nghề cá khu vực.

4.7. Bước 7. Tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra thực tế tàu và lưu hồ sơ (nếu có dấu hiệu IUU).

a) Kết thúc các đoàn kiểm tra, trưởng đoàn kiểm báo cáo cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao thực hiện nhiệm vụ (Cục Thủy sản và Kiểm ngư);

b) Đơn vị được giao tổ chức thực hiện nhiệm vụ thực hiện lưu hồ sơ chuyển kiểm tra theo quy định.

5. Đối với trường hợp có yêu cầu của quốc gia treo cờ, quốc gia ven biển, các Tổ chức quản lý nghề cá khu vực và các tổ chức quốc tế liên quan về việc thủy sản, sản phẩm thủy sản được chuyên chở bằng tàu công ten nơ có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định:

5.1. Trường hợp hàng chưa vào cảng

Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Thủy sản và Kiểm ngư) phối hợp với các cơ quan liên quan không cho bốc dỡ hàng;

5.2. Trường hợp hàng đã xuống cảng và đang chịu sự giám sát hải quan

Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Thủy sản và Kiểm ngư) phối hợp với các cơ quan liên quan thông báo cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu biết xử lý theo quy định và buộc tái xuất lô hàng;

5.3. Trường hợp hàng đã thông quan

Thực hiện theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

6. Đối với trường hợp nhận được thông tin của quốc gia treo cờ, quốc gia ven biển, các Tổ chức quản lý nghề cá khu vực, các tổ chức quốc tế về việc lô hàng thủy sản, sản phẩm thủy sản có dấu hiệu vi phạm hoặc qua kiểm tra thông tin thu nhận được xét thấy có dấu hiệu vi phạm về khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định

6.1. Trường hợp hàng chưa vào cảng hoặc vào cảng nhưng chưa thông quan

Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Thủy sản và Kiểm ngư) phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và thực hiện theo Bước 4 đến Bước 7 Quy trình này. Trường hợp không phát hiện vi phạm, gửi kết quả kiểm tra cho chủ hàng để hoàn thiện thủ tục thông quan. Trường hợp phát hiện vi phạm buộc tái xuất lô hàng và xử lý theo quy định;

6.2. Trường hợp hàng đã thông quan

a) Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Thủy sản và Kiểm ngư) phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra theo Bước 5 đến Bước 8 Quy trình này.

b) Trường hợp phát hiện vi phạm, thực hiện xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

7. Tổ chức phân loại (loài, kích cỡ), cân, đối chiếu sản lượng thủy sản, sản phẩm thủy sản khai báo nhập khẩu (đối với sản phẩm nguyên con, chưa bao gói)

Căn cứ tờ khai hải quan, hồ sơ nhập khẩu và nội dung đã khai báo, chủ hàng/doanh nghiệp tổ chức phân loại, cân, đối chiếu sản lượng, ghi chép, nhập kho số liệu thực tế đối với từng lô hàng thủy sản, sản phẩm thủy sản sau khi đã phân loại, cân, đối chiếu.

Trường hợp sau khi phân loại, cân, đối chiếu sản lượng thủy sản, sản phẩm thủy sản khai báo nhập khẩu nếu có sự chênh lệch so với tờ khai hải quan, hồ sơ nhập khẩu thì chủ hàng/doanh nghiệp phải báo cáo lại cho cơ quan thẩm quyền của Việt Nam (*Cơ quan Hải quan, Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường*) qua địa chỉ email vietnamcongtenno@mae.gov.vn theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này. Thời hạn báo cáo không quá 07 (bảy) ngày kể từ ngày kết thúc việc phân loại, cân, đối chiếu sản lượng thủy sản, sản phẩm thủy sản từ khai thác được thực hiện tại nhà máy.

8. Đưa thủy sản, sản phẩm thủy sản vào sơ chế, chế biến, xuất khẩu

Chủ hàng, doanh nghiệp đưa thủy sản, sản phẩm thủy sản thực tế đã được phân loại, cân, đối chiếu tại nhà máy vào sơ chế, chế biến, xuất khẩu theo quy định.

9. Tổ chức thực hiện

9.1. Cục Thủy sản và Kiểm ngư

- Chủ trì thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế khi có dấu hiệu vi phạm IUU, ra thông báo kết quả thẩm định, phối hợp với các lực lượng có liên quan tại cảng thực hiện kiểm soát đối với thủy sản nhận có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu bằng công ten nơ;

- Tổng hợp dữ liệu hồ sơ khai báo đầu vào và kết quả báo cáo của doanh nghiệp sau khi phân loại, cân, đối chiếu thực tế tại nhà máy;

- Chủ trì xây dựng cơ chế hợp tác, trao đổi thông tin với quốc gia ven biển về hạn ngạch cho phép đối với các loài khai thác nhập khẩu vào Việt Nam;

- Xây dựng các biện pháp kiểm soát ngẫu nhiên tại các nhà máy nhập khẩu nhằm đảm bảo số lượng và chủng loại khai báo là chính xác phù hợp với hạn ngạch các loài đã cấp bởi quốc gia ven biển hoặc tổ chức quản lý nghề cá khu vực.

9.2. Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

- Tổ chức kiểm tra, giám sát ngẫu nhiên quá trình phân loại, cân thủy sản, sản phẩm thủy sản khai báo nhập khẩu tại nhà máy;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, truy xuất nguồn gốc quá trình đưa nguyên liệu thủy sản, sản phẩm thủy sản từ khai thác nhập khẩu vào sơ chế, chế biến sản xuất, xuất khẩu của doanh nghiệp đảm bảo không vi phạm IUU.

9.3. Tổ chức, cá nhân có liên quan

- Chủ tàu, chủ hàng, thuyền trưởng, đại lý hàng hải, doanh nghiệp nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bằng công ten nơ phải tuân thủ về kiểm tra, kiểm soát, cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cán bộ kiểm tra, đoàn kiểm tra theo quy định của pháp luật; chủ hàng cung cấp các giấy tờ, tài liệu có liên quan.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật để kiểm tra, kiểm soát tàu, thủy sản và sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác cập cảng để thực hiện hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam.

- Cung cấp hồ sơ theo thông tin đã khai báo tại Mẫu số 22 Phụ lục II Nghị định 41/2026/NĐ-CP cho cơ quan thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Phụ lục I:**Biểu mẫu, quy trình kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyên khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bằng tàu công ten nơ**

(kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nội dung thực hiện	Tổ chức, cá nhân thực hiện	Tổ chức, cá nhân phối hợp	Căn cứ/Biểu mẫu áp dụng
Bước 1	Thông báo trước khi tàu cập cảng	Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thủy sản	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 51, Mẫu số 22 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP
Bước 2	Thẩm định hồ sơ	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Các tổ chức, cá nhân có liên quan	Điều 51, Mẫu số 22 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP Mẫu báo cáo thẩm định kèm theo
Bước 3	Thông báo kết quả thẩm định	Cục Thủy sản và Kiểm ngư		Điều 51, Mẫu số 23 Nghị định 41/2026/NĐ-CP
Bước 4	Thành lập đoàn kiểm tra	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Các đơn vị có liên quan	Điều 70a Nghị định số 26/2019/NĐ-CP
Bước 5	Tổ chức kiểm tra thực tế	Đoàn Kiểm tra	Thành viên Đoàn kiểm tra, tổ chức, cá nhân có liên quan	Điều 51, Nghị định 41/2026/NĐ-CP
Bước 6	Lập Biên bản kiểm tra	Đoàn Kiểm tra	Thành viên Đoàn kiểm tra	Điều 51, Mẫu số 24 Nghị định 41/2026/NĐ-CP
Bước 7	Tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra thực tế tàu và lưu hồ sơ	Đoàn Kiểm tra	Thành viên Đoàn kiểm tra	Điều 51, Nghị định 41/2026/NĐ-CP

Phụ lục II.**Biểu mẫu báo cáo phân loại, cân, đối chiếu sản lượng thủy sản, sản phẩm thủy sản khai báo nhập khẩu**

TÊN CƠ SỞ NHẬP KHẨU... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
NAME OF IMPORTER... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No:.....

Kính gửi/To: ...(*)...

Tên cơ sở nhập khẩu/*Importer*:.....Địa chỉ/*Address*:.....Người đại diện/*Representative*:.....Số điện thoại/*Tel*:.....

Chúng tôi cập nhật thông tin lô hàng thủy sản nhập khẩu sau khi phân loại, cân đối chiếu thực tế tại nhà máy theo khai báo Mẫu số 22.KT số ngàytháng.... năm.....

Nội dung	Thông tin về container/ invoice	Loài/<i>Species</i>	Tên khoa học/ <i>Scientific name</i>	Kích cỡ (nếu áp dụng)/ <i>Size (if applicable)</i>	Khối lượng/ <i>Quantity (kg)</i>	Ghi chú
Theo khai báo					
					
					
Sau khi phân loại, cân sản lượng					
					
					
Số chênh lệch thực tế so với Tờ khai, Hồ sơ khai báo đầu vào					
					
					

- Thời gian kết thúc phân loại, cân, đối chiếu sản lượng: Lúc: giờ ngày tháng năm 20

- Địa điểm phân loại, cân, đối chiếu:

CHỦ CƠ SỞ NHẬP KHẨU/IMPORTER
(Ký tên và đóng dấu/Signed and sealed)